



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 02 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý chất lượng**

Laboratory: **Quality Control Department**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê**

Organization: **Chuse Rubber Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 281**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**

Field: **Chemical, Mechanical**

Người quản lý **Nguyễn Văn Hoàng**

Laboratory manager **Nguyen Van Hoang**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /02/2026 đến ngày /02/2031**

Địa chỉ/ Address **420 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai**
420 Hung Vuong Street, Chu Se commune, Gia Lai province

Địa điểm/Location **Thôn Thủy Lợi, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai**
Thuy Loi village, Chu Se commune, Gia Lai province

Điện thoại/ Tel **(84) 0269 3851159**

E-mail **phongqlcl.cscs@gmail.com**

Website: **www.chuserubber.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 281

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Cơ**

Field of testing: **Chemical, Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên SVR Natural Rubber SVR	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0,009 ~ 0,022) % m/m	TCVN 6089:2016
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A <i>Determination of ash content Method A</i>	(0,250 ~ 0,546) % m/m	TCVN 6087:2010
3.		Xác định hàm lượng nitơ Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of nitrogen content Semi micro Kjeldahl method</i>	(0,24 ~ 0,43) % m/m	TCVN 6091:2016
4.		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp cân nóng và phương pháp tủ sấy Phương pháp tủ sấy - Quy trình A <i>Determination of volatile - matter content Hot-mill method and oven method Oven method - Process A</i>	(0,19 ~ 0,32) % m/m	TCVN 6088-1: 2014
5.		Xác định chỉ số màu <i>Colour index test</i>	(3,0 ~ 3,5) đơn vị Lovibond/ <i>Lovibond unit</i>	TCVN 6093:2013
6.		Xác định độ dẻo (P ₀) Phương pháp máy đo độ dẻo nhẹ <i>Determination of Plasticity (P₀) Rapid Plastimeter method</i>	(39,5 ~ 46,5) đơn vị Wallace/ <i>Wallace unit</i>	TCVN 8493:2010
7.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI). <i>Determination of plasticity retention index (PRI)</i>	(69,6 ~ 96,4) %	TCVN 8494:2020

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standards*
- ISO: *International Organization for Standardization*

Trường hợp Công ty TNHH MTV Cao su Chur Sê cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV Cao su Chur Sê phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/If It is mandatory for Chuse Rubber Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service

